

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI NHÌN TỪ GÓC ĐỘ KHÔNG GIAN SINH TỒN (TRƯỜNG HỢP DÂN TỘC MĂNG VÀ LA HỦ Ở TỈNH LAI CHÂU)

Phạm Thị Phương Thái* và Trần Thế Dương

Khoa Du lịch, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Tóm tắt. Mảng và La Hủ là hai trong số các dân tộc có trình độ phát triển kinh tế - xã hội gặp khó khăn nhất trong nhóm dân tộc thiểu số rất ít người (DTTSRIN). Họ - những cư dân rẻo cao điển hình, vốn có lối sống du canh - du cư, hoạt động kinh tế và không gian sinh tồn gắn chặt với rừng. Mặc dù được thụ hưởng nhiều chính sách ưu tiên, hỗ trợ của Nhà nước dành cho nhóm DTTSRIN, song dân tộc Mảng và La Hủ vẫn bị xếp vào cuối bảng. Hiệu quả của những chính sách hỗ trợ nhằm thay đổi sinh kế, phát triển kinh tế - xã hội dành cho những cộng đồng dân tộc này nhiều khi không như mong đợi. Bởi lẽ, nội dung chính sách có những điểm thiếu sát hợp với đặc điểm không gian sống và đặc trưng văn hóa của những tộc người đã và đang luôn coi rừng là không gian sinh tồn.

Từ khóa: Mảng, La Hủ, không gian sinh tồn, chính sách.

1. Mở đầu

Từ những năm 90 của thập kỉ trước, Đảng và Nhà nước đã ban hành hàng loạt chính sách ưu tiên hỗ trợ dành cho đồng bào các dân tộc thiểu số nước ta trên mọi bình diện từ kinh tế - văn hóa - giáo dục - y tế... Đặc biệt, bên cạnh những chính sách chung còn có nhiều chính sách riêng biệt, đặc thù đối với nhóm các dân tộc thiểu số (DTTS) có số dân dưới 10 ngàn người. Những chính sách đó, về cơ bản đã có tác dụng tích cực trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhóm các DTTS. Tuy nhiên, hiệu quả của một số chính sách hỗ trợ đối với DTTSRIN nhiều khi trái với mong đợi. Việc thiếu coi trọng đặc trưng văn hóa của mỗi tộc người trong hoạch định và thực thi chính sách là một trong những nguyên nhân căn bản. Nội dung của bài viết tập trung phân tích, đánh giá nội dung, hiệu quả, tác động của chính sách hỗ trợ dành cho dân tộc Mảng và La Hủ sinh sống tại tỉnh Lai Châu, nhìn từ góc độ không gian sinh tồn và văn hóa tộc người.

Cho đến nay, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về nhóm các dân tộc thiểu số nói chung, trong đó có nhóm DTTSRIN. Tuy nhiên, các công trình trước đó mới chỉ đề cập từng phương diện riêng biệt thuộc vấn đề về đặc trưng văn hóa tộc người, hay chính sách dành cho họ. Vấn đề đánh giá hiệu quả chính sách dành cho các DTTSRIN còn khá dè dặt và có lẽ cũng mới được chú ý trong khoảng chục năm trở lại đây.

Đặc trưng văn hóa tộc Mảng và La Hủ bắt đầu được các nhà nghiên cứu đề cập từ thập niên 80 thế kỉ XX (tiêu biểu nhóm tác giả Mạc Đình Dĩ, Châu Hồng Thủy, Lý A Sán với *Truyện cổ Mảng*, năm 1985 [4]). Vấn đề này thực sự được lưu tâm vào cuối thập kỉ 90 thế kỉ XX trở đi. Có thể điểm nhanh một số công trình, bài viết về đặc trưng văn hóa người Mảng, như “Những người còn giữ tục cổ xăm cằm” của Vi Văn An đăng trên *Tạp chí Dân tộc và thời đại*, số 2 (1999)

Ngày nhận bài: 1/1/2020. Ngày sửa bài: 17/1/2020. Ngày nhận đăng: 2/2/2020.

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Phương Thái. Địa chỉ e-mail: phamphuongthai@tnus.edu.vn

[1; tr. 9]; Bản sắc văn hóa dân tộc Mảng của Ngọc Hải, năm 2003 [8]; *Người Mảng ở Chấn Nưa huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu*, Hoàng Sơn chủ biên, năm 2007 [9]; *Phong tục và tín ngưỡng của người Mảng ở xã Nậm Ban huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu* của Nguyễn Văn Thắng (Luận văn thạc sĩ văn hóa, Viện nghiên cứu văn hóa (2007) [12]; “Tang ma của người Mảng ở Lai Châu”, Nguyễn Văn Thắng, *Tạp chí Dân tộc học* số 4 (2012) [13; tr. 11-19]; “Lễ cưới của người Mảng ở Việt Nam”, Nguyễn Văn Thắng, *Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên*, số 2 (2012) [14; tr. 60-71]; “Nghỉ lễ sinh đẻ và nuôi con nhỏ của người Mảng”, Nguyễn Văn Thắng, *Tạp chí Dân tộc học* số 3 (2013) [15; tr. 35-44]; “Tri thức địa phương của người Mảng ở Việt Nam”, Nguyễn Văn Thắng, *Tạp chí Khoa học xã hội* số 6 (2013) [16; tr. 93-101]... Về dân tộc La Hủ, có thể kể tới các công trình như *Dân tộc La Hủ ở Việt Nam*, Khổng Diễn chủ biên [5]; “Tìm hiểu xã hội truyền thống của người La Hủ”, Nguyễn Sơn Trà, *Tạp chí Văn nghệ Dân tộc và Miền núi*, số 9 (1999) [17; tr. 35-42]; “Bước đầu tìm hiểu về Tin Lành ở người La Hủ huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu”, Phùng Thị Dự, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* số 5(131) năm 2014 [6; tr 97-106]... Nhìn chung, các bài viết, công trình nghiên cứu đơn thuần chỉ đề cập đến sắc diện văn hóa của hai dân tộc thiểu số rất ít người này.

Về nội dung và hiệu quả chính sách dành cho các DTTSRIN ở Việt Nam, vài năm gần đây mới có số ít bài viết tiếp cận từ góc độ ban hành và thực thi chính sách, đăng tải trên phương tiện đại chúng như báo chí, các cơ quan ngôn luận của chính phủ... Trong đó, đáng kể nhất là bài “Thấy gì từ chính sách hỗ trợ phát triển các dân tộc rất ít người?” của Nguyễn Văn Chính, đăng trên ấn phẩm *Báo Khoa học & Công nghệ Tia Sáng*, ngày 16/12/2018 [2]. Trước đó, năm 2015, Ủy ban dân tộc công bố kết quả nghiên cứu khá quy mô, trên mọi bình diện về thực trạng đời sống kinh tế - xã hội 53 dân tộc và đưa ra bảng xếp hạng về mức sống và điều kiện kinh tế xã hội của từng dân tộc theo 8 tiêu chí. Trong bảng xếp hạng này, các DTTSRIN cũng được đề cập tới, trong đó có dân tộc Mảng và La Hủ [19]. Tuy nhiên, mới chỉ là những con số thống kê và chỉ báo.

Về thuật ngữ và khái niệm “không gian sinh tồn”, bài viết tiếp cận dưới góc nhìn của phương pháp sinh thái học văn hóa và nhân học văn hóa. Phương pháp tiếp cận này sẽ minh định rõ mối liên hệ, tương thông giữa môi trường và văn hóa, làm cơ sở cho sự quy chiếu, đối sánh với đối tượng nghiên cứu cụ thể là hai dân tộc Mảng và La Hủ.

Không gian sinh tồn được hiểu là một bộ phận thuộc môi trường vật chất, là môi trường bao chứa vạn vật. Con người tồn tại và phát triển trong không gian, môi trường đó. Trong quá trình tương tác với môi trường, con người bộc lộ hành vi, hoạt động sống, cùng những quan niệm về thế giới. Cũng từ chính không gian đó, con người sáng tạo ra các giá trị văn hóa tương xứng với không gian mà họ chịu sự chi phối. Các biểu hiện được coi là đặc trưng văn hóa tộc người được phản chiếu qua không gian sống của họ. Đây là cách tiếp cận được các nhà nhân học văn hóa đưa ra, trong đó tiêu biểu là nhà nhân học văn hóa người Mỹ Clyde Kluckhohn.

Tác giả Đặng Hoài Giang, trong công trình mới nhất của mình, cũng đã sử dụng phương pháp tiếp cận dưới góc độ không gian sinh tồn và sinh thái học văn hóa để nghiên cứu về quá trình biến đổi không gian buôn làng của cộng đồng người Ê Đê tại Buôn Mê Thuột, từ sau năm 1975 đến nay. Không gian sinh tồn, hay cách tiếp cận sinh thái học văn hóa chính là sự hợp nhất giữa văn hóa với không gian và môi trường. Đặng Hoài Giang cho rằng “Đề tồn tại và phát triển, bất cứ cộng đồng xã hội nào cũng cần đến một không gian sinh tồn. Trong không gian ấy, con người tồn tại với tư cách là một chủ thể văn hóa: tương tác với tự nhiên và xã hội; lựa chọn các mô hình sản xuất; định hình các khuôn mẫu ứng xử; tiếp nhận, sáng tạo và trao truyền các giá trị nhằm đảm bảo tính liên tục văn hóa cho cá nhân và cộng đồng. Bởi lẽ văn hóa ra đời trên nền tảng của không gian sinh tồn, cho nên, đối với một cộng đồng, không gian sinh tồn cũng đồng thời là không gian văn hóa” [7]. Khi không gian sinh tồn, mà cụ thể là không gian rừng, buôn làng thay đổi, kéo theo sự thay đổi trong nhận thức và ứng xử của cộng đồng mà rộng ra là

sự thay đổi của mô thức văn hóa tộc người. Cấu trúc không gian truyền thống bị giải thể, dẫn tới sự vênh lệch, thậm chí là mai một các giá trị văn hóa truyền thống, được coi là đặc trưng của mỗi dân tộc.

Học giả người Mỹ Tylor trong cuốn *Văn hoá nguyên thủy* đã mô tả văn hóa là một phức hợp tổng thể, bao gồm các thành tố: tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, luân lý, luật pháp, phong tục và tất cả những năng lực khác nhau và những tập quán khác nhau mà con người hoạch định với tư cách là thành viên của xã hội [20]. Xét cho cùng, văn hóa chính là hành vi ứng xử của con người với môi trường xã hội và môi trường tự nhiên, đồng thời cũng phản ánh chính đặc trưng xã hội và môi trường tự nhiên hay không gian đó, đây là sự liên hệ mang tính hai chiều, tác động lẫn nhau. Như vậy, văn hóa được quy định bởi môi trường, và ngược lại, văn hóa cũng tác động ngược lại môi trường [11].

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ đề cập đến biểu hiện thực tế của mối quan hệ giữa không gian sinh tồn, đặc trưng văn hóa tộc người với chính sách hỗ trợ của Nhà nước qua trường hợp điển cứu là dân tộc Mảng và La Hủ - hai cộng đồng thiểu số rất ít người được thụ hưởng chính sách ưu tiên, hỗ trợ, nhưng đời sống kinh tế - xã hội lại hạn chế nhất trong nhóm DTTSRIN ở nước ta. Từ đó, gọi ra những điều đáng lưu tâm trong việc hoạch định, xây dựng và thực thi một số chính sách hỗ trợ đối với đồng bào DTTSRIN ở Việt Nam trong những giai đoạn tiếp theo như cần thận trọng khi tính toán thay thế một môi trường kinh tế - xã hội mới trong khi môi trường sinh tồn, đặc trưng văn hóa của đối tượng thụ hưởng không tương thích, nhận thức, tâm thế của cộng đồng đó chưa sẵn sàng.

Sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như nhân học văn hóa, khảo sát điều tra, xã hội học, tổng hợp - thống kê và phân tích số liệu..., bài viết tập trung phân tích, đánh giá tác động của chính sách ưu tiên, hỗ trợ đến sự thay đổi không gian và phương thức sinh sống của dân tộc Mảng và La Hủ - hai cộng đồng cư dân rẻo cao có chiều dài lịch sử sống dựa vào rừng, gắn với rừng. Từ đó, góp phần minh định một thực tế, việc hoạch định và thực thi chính sách hỗ trợ và ưu tiên DTTSRIN cần phải tính đến yếu tố đặc trưng văn hóa tộc người.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đặc trưng không gian sinh tồn của dân tộc Mảng và La Hủ

Lai Châu là một tỉnh duy nhất trong 63 tỉnh thành ở Việt Nam có dân tộc Mảng và La Hủ sinh sống. Hai DTTSRIN này đều sống tập trung ở ba huyện vùng cao Mường Tè, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, với diện tích trải rộng, địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt và đặc biệt khó khăn.

Với diện tích lớn thứ 2 so với các huyện trong cả nước thuộc vùng cao biên giới, nhưng Mường Tè chủ yếu là đồi núi hiểm trở, độ cao trung bình từ 900 - 1.500m, khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa đông lạnh, mưa ít, mùa hè nóng mưa nhiều, có nhiều sông suối bắt nguồn từ Vân Nam - Trung Quốc, gây cản trở cho việc đi lại. Tương tự, Sìn Hồ, Nậm Nhùn cũng là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lai Châu, có địa hình tương đối phức tạp, nhiều núi cao, độ dốc lớn, bị chia cắt mạnh bởi nhiều khe sâu, thời tiết diễn biến phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa như Nậm Chà, Trung Chải, Nậm Pì, Nậm Ban, Nậm Manh.

Đáng chú ý, ba huyện trên đều nằm trong khu vực thượng nguồn sông Đà, có diện tích rừng bao phủ rất lớn, đặc biệt là rừng phòng hộ. Cụ thể, huyện Mường Tè có diện tích đất lâm nghiệp 257.930,1 ha, chiếm 96,2% diện tích tự nhiên của huyện. Diện tích đất có rừng hiện nay 167.704,9 ha, trong đó rừng đặc dụng 21.207,9 ha, rừng phòng hộ 75.917,1 ha, rừng sản xuất 70.579,7 ha; tỉ lệ che phủ rừng đạt 62,6%, cao nhất tỉnh Lai Châu. Diện tích đất lâm nghiệp huyện Sìn Hồ là 52.322,76 ha. Huyện Nậm Nhùn là hơn 70 ngàn ha.

Mảng và La Hủ là hai dân tộc thiểu số rất ít người, sinh sống tại các địa bàn nêu trên của tỉnh Lai Châu. Với địa bàn sinh sống như vậy, tất yếu rừng là không gian sinh tồn chủ yếu của

đồng bào Mảng và La Hủ. Rừng bao bọc và là nguồn sống hàng ngày của họ, lối sống của hai dân tộc này đều bám chặt và nương nhờ vào rừng. Mọi thứ trong bản, trong nhà, mọi thứ để sống - cả về vật chất lẫn tinh thần, đều lấy từ rừng. Từ cột nhà, sàn và vách nhà, mái nhà... đến hạt lúa, cây rau để ăn, cây thuốc để chữa bệnh... tất cả đều từ rừng. Đối với các cộng đồng gắn bó với rừng thì rừng trở thành nguồn gốc của những giá trị văn hóa đặc sắc. Người Mảng và La Hủ ở Lai Châu cũng vậy. Những tập tục, quan niệm cuộc sống, cách ứng xử với môi trường xung quanh và ngay cả niềm tin tâm linh của họ, có lẽ cũng đều khởi nguyên từ rừng.

Cuộc sống của dân tộc Mảng và La Hủ gắn liền với rừng, với vĩ độ cao. Địa bàn cư trú của họ là núi cao rừng thẳm, là những nơi xa xôi hẻo lánh bậc nhất của vùng Tây Bắc nói chung và Lai Châu nói riêng. Đặc biệt, có những bản nằm biệt lập giữa rừng sâu thuộc xã Nậm Ban (Dum Bai), huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu - nơi người Mảng tự coi là cội nguồn của cộng đồng dân tộc mình. Rừng gần như phủ kín khu vực sinh sống của dân tộc Mảng và La Hủ. Đường sá giao thông lại khó khăn, nên hai cộng đồng DTTSRIN này chọn lối sống tương đối khép kín, ít giao lưu tiếp xúc với bên ngoài.

Sinh sống tại vùng rẻo cao, với độ cao trung bình trên 1000m, người Mảng và La Hủ đã chọn sinh kế truyền thống là “đao canh hỏa chủng”, tức hoạt động kinh tế dựa vào nương rẫy và chiếm đoạt tự nhiên. Việc chọn nương, đánh dấu sở hữu được họ tiến hành từ sau Tết. Tháng 3-4 phát cỏ, để khô, nỏ; tháng 5-6 đốt, rồi gieo hạt. Công cụ làm nương là rìu, dao, gậy chọc lỗ. Năng suất lúa thường thấp do đất đai cằn cỗi, phương tiện, kỹ thuật canh tác thô sơ, lạc hậu, bản năng nên đời sống bấp bênh, thiếu ăn quanh năm. Sự lựa chọn tất yếu của họ là phải bám vào không gian rừng để sinh tồn. Hái lượm, săn bắt vẫn là sinh kế chủ yếu của họ. Người Mảng và La Hủ nổi tiếng với khả năng săn bắt, đặt bẫy và hái lượm trong rừng. Ngay cách định danh tộc người đã phản ánh điều đó. La Hủ là tên gọi phiên từ tiếng Hán - Việt là Lạp Hồ, có nghĩa là “người đi săn hồ” [21].

Lối sống của đồng bào La Hủ và Mảng là du canh du cư. Họ không ở cố định và lâu dài tại một địa bàn mà chỉ tạm dừng lại một nơi để trồng trọt và săn bắt. Sau đó di chuyển nơi khác, tới vụ thu hoạch lại quay về. Có lẽ, tộc danh Mảng, hay Xá Mảng (cách mà dân tộc khác thường gọi họ) cũng có lai nguyên từ đó (Xá là cách gọi những dân tộc sống ở rẻo cao; Mảng có nghĩa là “những người lang thang”). Vì không có thói quen định cư, trồng trọt và chăn nuôi, nên nhà cửa của họ cũng được dựng một cách hết sức tạm bợ và sơ sài. Theo tập tục trước đây, hễ mái nhà lợp lá đã ngả màu vàng là họ sẽ rời bỏ ngôi nhà đó để tìm nơi khác dựng ngôi nhà mới. Cái tên “Xá lá vàng”, có lẽ cũng phản ánh phần nào đặc trưng cư trú của hai tộc người này.

Sinh trưởng và tồn tại gắn chặt với không gian rẻo cao, không gian rừng, nên những thói quen trong sản xuất, những tập tục, nghi lễ đến nếp cảm nếp nghĩ, lối sống, cách ứng xử của hai tộc người Mảng và La Hủ đều phản ánh và là kết quả của không gian sinh tồn, bởi môi trường và không gian sinh tồn quy định văn hóa và hành vi con người. Trong nghi thức cúng bái chữa bệnh, người Mảng và La Hủ luôn viện cầu thần rừng và cho rằng, con người ta bị ốm là do bị thần rừng, ma rừng quở trách, quấy nhiễu. Ngay cả khi cưới hỏi, một lễ vật không thể thiếu mà nhà trai bắt buộc phải có khi mang sang nhà gái, chính là thịt sóc rừng và thịt chuột rừng. Những đứa bé được sinh ra, người ta cầu mong sức khỏe cho chúng bằng việc buộc lên trên đỉnh mũ đội đầu của đức bé một cái đuôi sóc rừng đã sấy khô trên gác bếp, đuôi sóc rừng như một thứ bùa hộ mệnh cho đứa bé.

Do bản chất là những dân tộc sống gắn với rừng, hái lượm và săn bắt mọi thứ từ rừng, nên người Mảng và La Hủ quen và thích ứng với cuộc sống trên rừng hơn cả, những ngôi nhà cũng được họ dựng rất tạm bợ. Người Mảng và La Hủ không có thói quen và tập quán chăn nuôi gia súc và trồng cây hoa màu, rau xanh. Cây lúa nương và một số loại đậu đỗ khác chỉ chiếm vị trí thứ yếu trong tập quán canh tác của họ, nguồn thức ăn, giúp họ tồn tại đa phần đều đến và có sẵn trong rừng.

Mặc dù đến nay, cuộc sống của người Mảng và La Hủ có phần ổn định hơn. Nhưng rừng vẫn là môi trường sinh tồn và chiếm đoạt tự nhiên vẫn là sinh kế chủ yếu của họ. Thói quen đi rừng săn bắt, lượm nấm, hái rau, kiếm mật ong, tìm cây thuốc và kiếm gỗ dựng nhà, sửa nhà... vẫn duy trì. Kỹ thuật canh tác lúa nước, ứng dụng khoa học hiện đại trong chăn nuôi, trồng trọt, cách sắp xếp, tổ chức cuộc sống theo hình thức mới, giống như những dân tộc khác cư trú ở vùng thấp trở nên xa lạ với họ. Bởi những thói quen “đao canh hỏa chủng”, khai thác và chiếm đoạt tự nhiên... tồn tại từ ngàn đời không dễ thay đổi một sớm một chiều với một cộng đồng đã và đang sống gắn chặt với rừng, khá biệt lập với bên ngoài và chưa sẵn sàng thích ứng với một không gian và phương thức sống mới.

2.2. Thực tế tiếp cận và thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào Mảng và La Hủ

Với chủ trương nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, nhất là đối với các dân tộc thiểu số vùng rẻo cao, khó khăn, Nhà nước đã kêu gọi, vận động truyền truyền các dân tộc thực hiện lối sống định cư, “hạ sơn”, làm nông nghiệp và chăn nuôi, phát triển kinh tế. Chủ trương chính sách đó được thực hiện từ đầu những năm 70 của thế kỉ trước và hiện nay được đặc biệt quan tâm, với nhiều dự án, hỗ trợ cho đồng bào, từ hệ thống cơ sở vật chất như nhà ở, nước sạch, điện, đường, trường, trạm... đến phát triển giáo dục, chăm sóc sức khỏe - y tế, hỗ trợ đất sản xuất, giống cây trồng vật nuôi, kỹ thuật nông - lâm - ngư nghiệp, chính sách bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa truyền thống...

Về cơ bản, đời sống của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi ổn định hơn, nhờ tác động tích cực của những chính sách này. Tuy nhiên, thực tiễn hiệu quả không đồng đều. Bên cạnh nhiều dân tộc phát triển, hòa nhập và thích ứng với bối cảnh mới như Thái, Mường, Dao, Hà Nhì, SiLa, Lự... vẫn còn một số dân tộc gặp nhiều rào cản, chậm thích ứng, điển hình là dân tộc Mảng và La Hủ. Phần lớn cư dân của hai dân tộc này gặp phải muôn vàn khó khăn, trắc trở trong quá trình tiếp cận chính sách. Thực tế, đã xuất hiện những hệ quả không mong muốn từ chính sách đem lại như ý thức dựa dẫm, ỷ lại, tha hóa... do nếp nghĩ, tập tục từ ngàn xưa vẫn bám rễ bền chặt trong đời sống, tư tưởng, tinh thần của họ. Dường như, họ chưa chuẩn bị tâm thế đón nhận, thay đổi nhận thức.

Năm 2015, Ủy ban dân tộc công bố kết quả điều tra về thực trạng đời sống kinh tế-xã hội của 53 dân tộc thiểu số trên mọi bình diện và có đưa ra bảng xếp hạng theo 10 tiêu chí cơ bản. Trong bản xếp hạng đó, La Hủ đứng ở vị trí cuối cùng (thứ 53), với thực trạng: *Tuổi thọ*: Rất kém; *Tỉ lệ tử vong ở trẻ em*: Rất kém; *Khám thai*: Rất kém; *Mù chữ ở nữ giới*: Rất kém; *Tỉ lệ đi học đúng tuổi bậc tiểu học*: Kém; *Nhà vệ sinh*: Rất kém; *Nước sạch*: Kém; *Tỉ lệ hộ nghèo*: Rất kém; *Tài sản*: Rất kém; *Lực lượng lao động đã qua đào tạo*: Rất kém). Vì thế, dù đã vượt qua ngưỡng 10.000 dân, nhưng dân tộc La Hủ vẫn được thụ hưởng một số chính sách trong top 15 DTTSRIN [19]. Tương tự, mặc dù được xếp trên La Hủ, song dân tộc Mảng vẫn đứng ở vị trí thứ 50.

Đáng chú ý, bên cạnh việc được thụ hưởng các chính sách chung dành cho người dân tộc thiểu số, đồng bào Mảng và La Hủ còn được thụ hưởng chính sách đặc thù khác từ quyết định 1672 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2011. Đây là chính sách đầu tư hỗ trợ khá toàn diện từ kinh tế- xã hội - văn hóa, với nguồn kinh phí lớn (1.042.811 triệu đồng) dành cho 4 dân tộc là Cống, Mảng, La Hủ, Cơ Lao (thực hiện tại 88 thôn, bản trên 27 xã thuộc 9 huyện của các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên và Hà Giang). Tuy nhiên, kết quả thực tại về đời sống của dân tộc Mảng và La Hủ lại không đáp ứng được kì vọng của những chính sách đó.

Tháng 3 năm 2019, chúng tôi có dịp đến thực tế tại các xã có người Mảng sinh sống như Pa Tàn, Trung Chải, Bá Tạ, Nậm Ban thuộc huyện Mường Tè, Sìn Hồ và Nậm Nhùn của tỉnh Lai Châu. Qua tiếp xúc và khảo sát đời sống của người Mảng nơi đây, chúng tôi nhận thấy, hiệu quả thực sự từ những chính sách hỗ trợ là không đáng kể, thậm chí còn gây lãng phí và phản tác

dụng. Bởi, tâm lý dựa dẫm, ỷ lại và trông chờ vào chính sách của Nhà nước đã nảy sinh ở một bộ phận không nhỏ trong cộng đồng DTTSRIN này.

Theo quyết định 1672 của Chính phủ, dân tộc Mảng và La Hủ được Nhà nước đầu tư hỗ trợ về vốn, giống cây trồng, vật nuôi và vật tư nông nghiệp để phát triển sản xuất. Tuy nhiên, khi chúng tôi đến khảo sát thực tế tại bản Nậm Nố 1 và Nậm Nố 2 của xã Trung Chải, thì số phân bón được hỗ trợ vẫn nằm nguyên trong nhà, đóng cục, bao bì mục nát, quá hạn sử dụng. Tương tự, khi tiếp nhận hỗ trợ giống lúa do Nhà nước cấp, đồng bào Mảng ở xã Bá Tạ cũng đem giống lúa mới ra ngoài trung tâm xã bán lấy tiền. Số gà được hỗ trợ cũng không biết chăm sóc nên bị xóa sổ vì dịch bệnh. Số lương thực cứu đói được bao cấp, theo quyết định 1672 với mức tiêu chuẩn là 15kg/người/tháng khiến người Mảng không chịu đi làm, ở nhà chờ gạo của Nhà nước. Thậm chí, dùng gạo được hỗ trợ, cứu đói để nấu rượu. Kinh phí hỗ trợ từ việc chi trả dịch vụ rừng (nghị định 99/2010/NĐ-CP và nghị định 147/2016/NĐ-CP, cùng với nội dung hỗ trợ trong chính sách 1672), cũng rơi vào tay đồng bào tay tiểu thương bán rượu và thịt cho đồng bào. Đó là trường hợp người Mảng ở bản Nậm Ô, nằm ngay cạnh xã Nậm Ban. Tình trạng phổ biến hiện nay của người Mảng là nghiện và uống rượu. Tới xã Trung Chải vào dịp cuối năm, tỉnh cơ chúng tôi gặp đoàn thiện nguyện của bệnh viện Hùng Vương (TP. Hồ Chí Minh) phát quà Tết cho người Mảng, với số tiền động viên là 100.000đ/hộ. Họ nhận quà và tiền, rồi ngay lập tức đem tiền đó tổ chức thành cuộc nhậu.

Trường hợp người La Hủ tại các xã Bum Tờ, Nậm Khao, Pa Ủ cũng tương tự. Trong chuyến khảo sát nghiên cứu vào khoảng thời gian đầu năm 2019, chúng tôi vào thăm bản Pa Ủ và Thăm Pa thuộc xã Pa Ủ. Đây là hai bản được vận động “hạ sơn” do bộ đội biên phòng Lai Châu thực hiện từ năm 2009. Với quyết định 1672 của Chính phủ, họ được đầu tư dựng nhà theo tiêu chí “3 cứng” (nền cứng, vách cứng, mái cứng), đầu tư bể chứa nước sạch, nhà vệ sinh, cấp giống cây trồng, vật nuôi... Tuy nhiên, khi đến khu vực này, chúng tôi thấy khoảng 90% nhà xuống cấp, mái tôn hoen gỉ, tróc thủng, hệ thống bể nước không còn hoạt động, đường ống dẫn nước bị tắc hỏng. Bà con tự kiểm tra, sửa chữa bằng cách dùng dao chặt từng khúc ống nhựa ra xem tắc chỗ nào, rồi buộc lại. Các bể ở bản Thăm Pa đều khô cạn, ở Pa Ủ thì chỉ còn duy nhất một bể là sử dụng được. Đối với nhà vệ sinh, kinh phí xây dựng là 3 triệu đồng/1 nhà vệ sinh, nhưng bà con không có nhu cầu sử dụng. Phần lớn hệ thống khung mái hư hại, đổ nát, trơ lại nền. Việc phổ biến hướng dẫn kỹ thuật trồng rau, hoa màu cũng ít tác dụng, do thói quen của bà con là khai thác rau rừng – một hoạt động chiếm đoạt tự nhiên, vốn được coi là bản năng. Đặc biệt, bà con không có ý niệm về chăm sóc gia súc, nên khi được hỗ trợ cấp bò sinh sản từ dự án Nhà nước, đồng bào La Hủ ở Pa Ủ phó mặc đồn biên phòng Pa Ủ nuôi hộ và đến hạn, cũng không hề có động thái nhận lại.

Đến hai bản Thăm Pa và Pa Ủ, nhóm nghiên cứu rất ngạc nhiên khi thấy đa phần là những căn nhà đóng cửa, thậm chí bỏ hoang, hoặc chỉ có những đứa trẻ ở nhà và người già. Hơn 80% người lớn bỏ lên rừng, vào nương rẫy. Chỉ những dịp đặc biệt họ mới trở về bản. Rừng là không gian sinh tồn quen thuộc với họ từ rất lâu, nên khi bứng tách về định cư, dường như họ chưa sẵn sàng tâm thế thích nghi, khó vượt qua tập tục, lối sống ngàn xưa. Theo đó, biểu hiện của lối sống bản năng, tự nhiên vẫn tồn tại. Nếu như người Mảng ở Nậm Ô được “mệnh danh” là tộc người uống rượu “khùng nhất Việt Nam” thì hiện tượng người La Hủ nghiện thuốc phiện ở xã Pa Ủ cũng khá phổ biến. Căn nguyên cũng bởi nhận thức hạn chế, ấu trĩ, ban đầu chỉ hút thuốc để chữa đau bụng, đau răng, dần dà dẫn đến nghiện.

3. Kết luận

Thực tiễn hiệu quả không đồng đều của chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dành cho DTTSRIN đã đem đến những điều đáng suy ngẫm. Phải chăng, nội dung chính sách ưu tiên, hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với điều kiện thực tế của môi trường sống của họ? Tính đặc thù văn

hóa tộc người, đặc biệt là những thói quen là kết quả từ không gian sinh tồn, nhất là tập quán và thói quen sinh kế của người La Hủ và Mảng chưa được cân nhắc tính toán khi hoạch định chính sách hỗ trợ. Vốn là những cư dân sinh sống tại không gian rẻo cao, gắn chặt với rừng, hoạt động kinh tế thiên về chiếm đoạt và dựa vào tự nhiên, nên khi “hạ sơn”, họ không có tâm thế và kỹ năng để bước vào một thao tác sinh kế mới. Họ lúng túng không biết ứng xử phù hợp với môi trường sống và bối cảnh xã hội mới. Dường như họ bị bứng tách một cách đột ngột ra khỏi môi trường sinh tồn truyền thống của mình và bị đưa vào một khuôn khổ mới lạ lắm. Thế nên, mặc dù được Chính phủ quan tâm, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội như các cộng đồng DTTSRIN khác, nhưng dân tộc Mảng và La Hủ vẫn bị tụt hậu. Thêm nữa, do nhận thức hạn chế về môi trường sống mới, cùng với thói quen cũ vẫn tồn tại, nên chính bản thân họ cũng không nhận biết rõ về tình trạng của bản thân và cộng đồng. Động cơ tự thân không hình thành, sự vượt thoát càng khó, nên chính sách đến với họ sẽ ít có tác dụng.

Vấn đề đặt ra là, nên chăng cần có sự kết hợp hài hòa, chuyển giao linh hoạt giữa cấu trúc kinh tế - xã hội truyền thống của đối tượng thụ hưởng với nội dung chính sách, tạo nên bước chuyển nhịp nhàng và ăn nhập? Những tri thức sinh tồn tự xưa và yếu tố tích cực của tập tục cộng đồng cần phải được tôn trọng. Lòng ghép khai thác và sử dụng tri thức địa phương của cộng đồng DTTSRIN vào các chương trình phát triển. Đồng thời, cũng nên lưu ý khi thiết kế hình mới phải có sự gần gũi, thân thuộc, tạo được tâm thế và điều kiện sống, phát triển một cách bền vững, phát huy được sở trường của họ trong lao động sản xuất. Việc thay đổi nhận thức và khả năng thích nghi của đồng bào DTTSRIN là cả một quá trình lâu dài, từng bước, đồng bộ, không thể nóng vội, đốt cháy giai đoạn.

Thực tiễn thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với DTTSRIN mà dân tộc Mảng và La Hủ là trường hợp điển hình đã minh định, muốn cộng đồng dân tộc thiểu số phát triển bền vững, họ cần được phát triển trong chính không gian sinh tồn của họ với những sinh kế đa dạng và phù hợp.

Ghi chú: Bài viết là sản phẩm của đề tài khoa học cấp Nhà nước: “Những giải pháp cơ bản và cấp bách nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách bảo tồn và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người ở nước ta hiện nay”, mã số CTDT.42.18/16-20.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vi Văn An, 1999. Những người còn giữ tục cổ xăm cằm. *Tạp chí Dân tộc và thời đại*, (số 2), tr.9.
- [2] Nguyễn Văn Chính, 2018. Thấy gì từ chính sách hỗ trợ phát triển các dân tộc rất ít người?. *Ấn phẩm Báo Khoa học & Công nghệ Tia Sáng*.
- [3] Đoàn Văn Chúc, 1997. *Văn hóa học*. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [4] Mạc Đình Dĩ, Châu Hồng Thủy, Lý A Sán, 1985. *Truyện cổ Mảng*. Nxb Văn Hoá, Hà Nội.
- [5] Khổng Diễn (chủ biên), 2000. *Dân tộc La Hủ ở Việt Nam*. Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [6] Phùng Thị Dự, 2014. Bước đầu tìm hiểu về Tin Lành ở người La Hủ huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* số 5 (131), tr.97-106.
- [7] Đặng Hoài Giang, 2019. *Biến đổi không gian văn hóa buôn làng Ê Đê ở Buôn Ma thuật từ sau 1975 đến nay*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Ngọc Hải, 2003. *Bản sắc văn hóa dân tộc Mảng*. Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [9] Hoàng Sơn (chủ biên), 2007. *Người Mảng ở Chấn Nưa huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu*. Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [10] Lê Bá Thảo, 2003. *Thiên nhiên Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- [11] Bùi Quang Thắng, 2017. *Mối quan hệ giữa văn hóa và môi trường*. Truy xuất từ: <https://www.moitruongvadothi.vn/doi-song-xa-hoi/van-hoa/moi-quan-he-giua-van-hoa-va-moi-truong-a21068.html>, ngày 20/12/2017
- [12] Nguyễn Văn Thắng, 2007. *Phong tục và tín ngưỡng của người Mảng ở xã Nậm Ban huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu*. Luận văn thạc sĩ văn hóa, Viện nghiên cứu văn hóa.
- [13] Nguyễn Văn Thắng, 2012. Tang ma của người Mảng ở Lai Châu. *Tạp chí Dân tộc học* số 4 (2012), tr. 11-19.
- [14] Nguyễn Văn Thắng, 2012. Lễ cưới của người Mảng ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội Tây Nguyên*, số 2 (2012), tr. 60-71.
- [15] Nguyễn Văn Thắng, 2013. Nghi lễ sinh đẻ và nuôi con nhỏ của người Mảng. *Tạp chí Dân tộc học* số 3, tr. 35-44.
- [16] Nguyễn Văn Thắng, 2013. Tri thức địa phương của người Mảng ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội* số 6, tr. 93-101.
- [17] Nguyễn Sơn Trà, 1999. Tìm hiểu xã hội truyền thống của người La Hủ. *Tạp chí Văn nghệ Dân tộc và Miền núi*, số 9, tr. 35-42.
- [18] Nhiều tác giả, 2015. *Người La Hủ ở Việt Nam*. Nxb Thông tấn, Hà Nội.
- [19] Ủy ban Dân tộc, 2016. *Kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2015*. Truy xuất từ: <http://cema.gov.vn/ket-qua-dieu-tra-thuc-trang-kt-xh-53-dan-toc-thieu-so-nam-2015.htm>
- [20] Edward Bennett Tylor (Huyền Giang dịch), 2019. *Văn hóa nguyên thủy*. Nxb Tri thức, Hà Nội.
- [21] Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu, 2014. Mường Tè. Truy xuất từ: <http://www.laichau.gov.vn/view/cac-don-vi-hanh-chinh-tinh/muong-te-5193>.
- [22] Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu – Huyện Sìn Hồ, 2017. Tổng quan huyện Sìn Hồ. Truy xuất từ: <http://sinho.laichau.gov.vn/view/Tong-quan-huyen-Sin-Ho/tong-quan-huyen-sin-ho-20891?tabid=2770>, ngày 22/03/2017.

ABSTRACT

Policies supporting social-economic development to ethnic minorities from the perspective of the living environment (The case study: Two ethnic minorities Mang and La Hu in Lai Chau Province, Vietnam)

Pham Thi Phuong Thai* and Tran The Duong

Faculty of Tourism, University of Science, Thai Nguyen University

Mang and La Hu, two ethnic minorities having a small number of inhabitants in Vietnam, met many difficulties in their social-economic development. Because they are typical highland residents and have nomadic lifestyle. All their economic activities have been related to the forest – their living environment. They have supported by many policies from the Vietnamese Government. However, the social-economic development of the minorities Mang and La Hu still has low rank among many different minorities. It was caused by The not-fitted specific contents of these policies with the cultural characteristics and living environmental features of the minorities Mang and La Hu. The article will consider these main points in details.

Keywords: Mang, La Hu, space of survival, policy.